

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST.
Ngày: 28-9-2020
V/v tranh chấp chia tài sản chung
và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thành Long

Ông Nguyễn Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản chung và đòi lại tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST – DS ngày 21/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan C, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị Nguyễn D, sinh năm 1989 (Có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn L, sinh năm 1966 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

2. Công ty T (vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà T, số I, phường Q, quận R, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn T, sinh năm 1969 (Có mặt)

2. Ông Nguyễn E, sinh năm 1955 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

3. Anh Mai Q, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan C trình bày:

Anh Phan C và chị Nguyễn D sống chung với nhau từ ngày 29/11/2018. Tuy nhiên, anh và chị D không có đăng ký kết hôn với nhau. Quá trình anh và chị D sống chung với nhau có tích lũy được một số tiền nên ngày 13/7/2019 dương lịch, anh đến cửa hàng xe honda Đ thuộc khóm E, phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có mua trả góp chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Y, màu sơn Đỏ Đen, số loại M, số máy G, số khung K, biển số U, anh được cấp giấy chứng nhận sở hữu xe ngày 15/7/2019. Khi mua xe giá trị chiếc xe là 47.500.000 đồng. Anh trả trước số tiền 14.500.000đ, còn lại thì trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 2.694.000 đồng. Sau khi mua xe thì anh đã trả góp được 05 tháng (số tiền trả góp chung 5 tháng $\times$ 2.694.000đ = 13.470.000đ). Ngày 30/01/2020 giữa anh và chị D xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau và anh chị không còn sống chung với nhau từ đó đến nay. Khi xảy ra cự cãi thì chị D có điện thoại cho mẹ chị D là bà Nguyễn L đến nhà anh để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó thì chị D đòi về nhà mẹ ở không sống chung với anh nữa nên anh có kêu người anh bà con bạn dì ruột của anh tên Mai Q chở D về nhà mẹ ruột. Q lấy chiếc xe nhãn hiệu Y, biển số U do anh đứng tên chở D về, khi tới bên nhà D thì D không cho Q đem xe về, kêu để xe lại, Q mới điện thoại cho anh, anh kêu Q về và có kêu người lại rước Q về. Anh nghĩ là cũng vợ chồng, khi giận thì vậy nên cứ để xe đó rồi từ từ lấy về. Chiếc xe hiện nay chị Nguyễn D đang quản lý, anh yêu cầu chị D giao xe lại cho anh chiếc xe và anh đồng ý trả lại một nửa số tiền chung mà anh và chị D đã bỏ ra để trả tiền mua xe và đóng trả góp được 5 tháng, anh đồng ý trả lại cho chị D số tiền 14.500.000 đồng.

Đối với việc bà Nguyễn L trình bày cho rằng anh có hỏi mượn 01 (một) cây vàng 24k là không có, anh không có hỏi mượn vàng gì của bà L theo như bà L, chị D và những người làm chứng bà T, ông E trình bày. Ông E thì đúng là ở xóm nhưng còn bà T là cô ruột của D, em ruột của ba D chứ không phải không có bà con. Còn việc chị D trình bày đi bán vàng tại tiệm vàng N và sau đó đi về nhà đưa tiền cho mẹ ruột anh là Lâm N số tiền 10 triệu đồng để trả cho cô H gì đó là không có. Khi anh đi mua xe thì anh đi cùng với một người anh em, việc đóng tiền trả góp thì anh cũng tự đi đóng trả một mình, chị D không có đi đóng trả góp tiền xe. Sau khi anh và chị D không còn sống chung với nhau thì anh vẫn tiếp tục đóng trả góp tiền xe hàng tháng một mình bằng tiền riêng của anh.

Tại phiên tòa hôm nay, anh giữ nguyên ý kiến giá trị xe anh yêu cầu chị D giao lại là 47.500.000 đồng, còn giá vàng thì thống nhất 01 (một) cây vàng 24k giá 48.000.000 đồng.

2/ Theo biên bản hòa giải, đối chất ngày 10/6/2020 cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn D trình bày:

Chị D và anh Phan C chấp nối với nhau, sống chung như vợ chồng chứ không có đăng ký kết hôn, về sống chung với nhau từ ngày 29/11/2018 đến ngày mừng 6 tết nguyên đán năm 2020 thì không còn sống chung với nhau đến nay. Quá trình sống chung thì chị và anh C cũng có đi thành phố làm thuê nhưng anh C ham chơi, khi làm khi nghỉ nên không có tiền dư để mua xe như anh C trình bày.

Ngày 11/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 13/7/2019 dương lịch) thì chị và anh Phan C về nhà mẹ ruột chị chơi, anh C hỏi mượn mẹ chị là bà Nguyễn L số vàng 01 cây (10 chỉ) vàng 24k. Mẹ chị cho anh C mượn vàng gồm có 03 chiếc nhẫn và 01 sợi dây chuyền. Khi mẹ chị đưa vàng cho anh C mượn thì có mặt chị, anh C, mẹ chị, bà Nguyễn T, ông Nguyễn E ngụ cùng xóm với chị cùng chứng kiến. Sau khi mượn vàng xong không bao lâu thì vợ chồng chị đi về, đi đến chợ M, thị xã N thì chị và anh C cùng nhau vô tiệm vàng tên N để bán vàng nhưng giấy tờ thì tiệm vàng chỉ ghi tính tiền sơ sơ, trọng lượng vàng bán là một cây (10 chỉ vàng) 24k, bán được số tiền 35 triệu đồng, giấy tờ bán vàng hiện nay không còn và tiệm vàng chắc cũng không còn nhớ vì lâu quá. Anh C cầm tiền bán vàng, chở chị về nhà anh C. Khi về đến nhà anh C thì anh C có đưa mẹ ruột của anh C tên N số tiền 10 triệu đồng. Anh C kêu mẹ anh C trả tiền cho cô H vì anh C thiếu tiền của cô H, chị không biết cô H họ tên gì nhà ở đâu. Chỉ nghe anh C nói vậy. Lúc đó chị mới nói với anh C là mượn mẹ một cây vàng bán có 35 triệu đồng, anh trả cho cô H hết 10 triệu đồng rồi còn 25 triệu anh mua xe cái gì, rồi anh C mới trả lời, chửi thề nói chuyện tao làm tao biết. Qua ngày hôm sau, khoảng trưa trưa thì chị thấy C đem chiếc xe M nhãn hiệu Y, biển số U về nhà và nói với chị là mượn mẹ một cây vàng rồi mua xe về nè. Chị nói anh mượn, anh sắm được ráng làm trả mẹ nghe, anh C nói chuyện tao làm tao biết. Khi đưa cho anh C số vàng thì mẹ chị có nói “cho mượn nè nghe, mày ráng làm trả tao nghe không thôi tao chửi chết mẹ đó”. Rồi anh C nói “Dạ con ráng làm con trả cho mẹ”.

Ngày mừng 6 tết nguyên đán năm 2020, sau khi chị và anh C cự cãi với nhau trên nhà anh C thì anh Q là người chạy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Y biển số U chở chị về nhà chị và đưa chìa khóa xe cho chị. Lúc Q chở chị về đến nhà chị là khoảng 18 giờ. Lúc này có bà T, ông T1 chứng kiến việc Q chở chị về nhà. Ông T1 hiện nay không có mặt ở địa phương, đi làm ăn xa nên chị không yêu cầu xác minh ông T1.

Chị đồng ý giao trả xe lại cho anh C với điều kiện anh C phải có trách nhiệm trả cho mẹ chị một cây vàng 24k. Chiếc xe là do anh C tự mua là tài sản riêng của anh C, anh C tự mượn Vàng của mẹ chị để mua xe thì anh C tự chịu trách nhiệm trả vàng cho mẹ chị. Chiếc xe anh C yêu cầu giao lại chị vẫn để nguyên trong nhà mẹ chị, không có ai lấy chạy, xe không bị hư hao gì. Khi anh C mua xe trả góp chị cũng không biết, đến khi anh C thừa kiện ra tòa chị mới biết anh C mua xe trả góp, việc trả góp là do tự một mình anh C trả góp.

Tại phiên tòa hôm nay, chị giữ nguyên ý kiến giá trị xe anh C đòi chị trả là 47.500.000 đồng, còn giá vàng thì thống nhất 01 (một) cây vàng giá 48.000.000 đồng.

3/ Tại biên bản hòa giải, đối chất lập ngày 10/6/2020, theo đơn yêu cầu độc lập cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn L trình bày:

Bà là mẹ ruột của D. Bà đi thành phố làm từ năm 2000 đến năm 2012 mới về Ngã Năm sống, bà có tích lũy mua vàng từ từ, mua vàng tại Năm Căn, bà gửi tiền cho con gái bà mua dùm, giấy tờ mua vàng hiện nay không còn. C và D chấp nôi nên không có đăng ký kết hôn. Trước đây khi bà lấy vàng đeo đi đám tiệc thì C có nhìn thấy và biết bà có vàng. Vào sáng (khoảng 09 giờ) ngày 11/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 13/7/2019 dương lịch) thì vợ chồng C, D mới về nhà bà chơi. Rồi C có hỏi bà mượn vàng để mua xe. Bà mới hỏi mua xe gì? C nói mua xe gì gì đó, do xe bà cũng không rành lắm. Bà mới đưa cho C mượn 03 chiếc nhẫn tổng trọng lượng là 05 chỉ vàng và 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng, đều là vàng 24k. Khi bà cho C hỏi mượn vàng tại nhà bà thì có bà, có C, có D, bà Nguyễn T (nhà cặp bên vách nhà bà, bà T là con nuôi của mẹ chồng bà, bà T được mẹ chồng bà nuôi từ khi mới sinh đến lớn), ông Nguyễn E ở xóm chứng kiến chứ không có làm giấy tờ gì hết vì mẹ con mà. Lúc đó bà T đang đẩy đất ở ngoài sân thì bà có kêu bà T vào chứng kiến việc bà cho C hỏi mượn vàng, vì là chỗ mẹ con nên đâu có làm giấy tờ gì đâu. Còn ông E thì lại nhà bà đi xit thuốc cho bà nên mới chứng kiến việc bà cho C hỏi mượn vàng. Mượn rồi C kêu vợ (D) lên xe chạy về nhà bên C, hai vợ chồng bán vàng ở tiệm vàng N rồi lấy tiền đi mua xe.

Ngày mừng 6 tết nguyên đán năm 2020 (nhằm ngày 30/01/2020) vợ chồng C và D cự lộn với nhau. D có điện thoại kêu bà qua nhà C nói chuyện. Sau đó, hai đứa nó nói thôi nhau thì bà có nói mày mượn mẹ cây vàng mày tính sau. C mới kêu Q mày chạy xe đưa số mầy (D) về nhà để xe nhà bà khi nào tao có 01 (một) cây vàng trả thì tao lấy xe về. Rồi Q mới lấy xe chở D về nhà bà và đưa xe, chìa khóa cho D. Bà đi xe về sau, khi bà về đến nhà thì Q đã đi về rồi. Nhà bà không có đánh hay dành dứt chìa khóa xe gì của Q hết. Khi bà cho C hỏi mượn vàng thì không có ông Nguyễn T1 chứng kiến nên bà không có yêu cầu xác minh ông T1 do hiện nay ông T1 cũng không có mặt ở địa phương. Khi bà cho C hỏi mượn vàng bà còn nói: “Mày mượn vàng mẹ mua xe thì ráng làm trả mẹ, không trả tao chửi nge”.

C là người hỏi mượn vàng của bà nên bà chỉ yêu cầu C trả cho bà số vàng 01 (một) cây vàng 24k, giá trị tương đương là 48.000.000 đồng. Nếu C trả vàng thì D đồng ý trả xe cho C chứ xe để nhà bà thì có ai chạy được đâu. Bà cũng thống nhất giá trị chiếc xe mà C mua là 47.500.000 đồng. Chiếc xe C yêu cầu D giao lại thì vẫn để nguyên nhà bà, không có ai lấy chạy, xe còn nguyên không có bị hư hao gì.

4/ Người làm chứng bà Nguyễn T trình bày:

Bà là con nuôi của bà nội của D chứ có bà con gì đâu. Bà được bà nội của D nhận nuôi từ khi mới sinh ra đến lớn. Ngày 11/6/2019 âm lịch, lúc đó khoảng 09 giờ sáng vì đã hé nắng lên, bà đang đẩy đất (đất sáng mức bỏ lên bờ) ở ngoài sân. Thì bà L có kêu bà vô nhà bà L để chứng kiến việc bà L cho con rể là C

chồng của D mượn vàng. Bà mới vô nhà của bà L đứng ở trong nhà của bà L ngay đầu vồng nhà bà L, lúc đó có mặt bà, bà L, D và C đang ở trong nhà, bà L đi từ nhà dưới lên đến ngạch cửa nhà trước thì đưa cho C 03 chiếc nhẫn và 01 sợi dây chuyền. Ngoài cửa thì có mặt ông Nguyễn E (thường gọi là ba E) đứng nhìn vô, ông E đến nhà bà L để xịt thuốc muỗi cho bà L. Bà L nói mẹ thấy con ham quá nên mẹ cho mượn. C thì nói con sắp được xe con mang ơn mẹ. Mượn vàng xong chút xíu là bà thấy hai vợ chồng C, D lên xe đi về. Bà nhớ rõ thời gian bà L cho C hỏi mượn vàng là vì ngày đó là ngày anh chú bác của bà tên Nguyễn S nhà ở gần đó chết mới chở về nhà nên bà mới nhớ. Vàng mà bà L cho C mượn nhìn mắt thường thì thấy vàng loại 24k, bà cũng khẳng định vàng cho mượn là 01 cây vàng do bà nhìn thấy bà biết. Bà L có nói với C trọng lượng một cây vàng, ba chiếc nhẫn tổng cộng 05 chỉ vàng, sợi dây chuyền 05 chỉ vàng. Còn về vụ chiếc xe thì bà cũng có chứng kiến. Bà nhớ lúc đó là mừng 6 tết nguyên đán năm 2020 thì bà L có làm thôi nôi cho cháu ngoại bà L (con của em D), khoảng bốn giờ chiều thì vợ chồng C mới lên xe về bên nhà C. Sau đó khoảng một tiếng đồng hồ thì vợ chồng C mới cạy cái gì đó rồi điện thoại qua kêu bà L qua nhà C. Khi đó, bà L đi xe ôm qua nhà C. Bà L có nhờ bà trông (xem) nhà dùm. Rồi khoảng 18 giờ tối cùng ngày bà mới nghe tiếng xe ghé nhà bà L bà mới đi qua nhà bà L thì thấy Q chở D về nhà, bà có nghe Q nói là chia khóa nè số (tức là kêu D) rồi có một người khác lại rước Q đi về. Khi đó bà L vẫn chưa về tới nhà. Tại phiên tòa bà khẳng định khi nhìn bằng mắt thường thì bà vẫn nhận biết được trọng lượng vàng của những chiếc nhẫn bà L đưa cho C mượn.

5/ Người làm chứng ông Nguyễn E trình bày:

Ông không có bà con thân thuộc gì với các đương sự cũng không có mâu thuẫn gì với ai. Ông ở xóm của bà L, nhà ở gần nhà bà L. Việc chiếc xe giao nhận như thế nào thì ông không có chứng kiến. Còn việc bà L cho C mượn vàng thì ông có chứng kiến. Ngày tháng năm nào thì ông không nhớ rõ lắm vì không để ý. Khi đó, ông đến nhà bà L để xịt thuốc muỗi cho bà L. Chạy tới cửa nhà bà L thì bà L có kêu ông chứng kiến dùm là bà cho con rể là C hỏi mượn vàng. Chỗ ông đứng cách chỗ bà L đưa vàng cho C khoảng 01-02m, ông thấy bà L đưa cho C 03 chiếc nhẫn và 01 sợi dây chuyền, nghe bà L nói ba chiếc nhẫn là 05 chỉ, còn sợi dây chuyền là 05 chỉ, còn vàng loại gì thì ông không xác định rõ.

6/ Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng Mai Q lập ngày 18/6/2020, anh Q trình bày:

Anh không có mâu thuẫn gì với các đương sự trong vụ án. Anh là anh bà con bạn dì ruột của anh Phan C. Anh không nhớ ngày chính xác nhưng anh nhớ khoảng 19 giờ tối khi anh đang đi chơi thì C có điện thoại nhờ anh lấy chiếc xe M nhãn hiệu Y, biển số U của C chở vợ C là D về nhà mẹ ruột của D. Anh có đến nhà C để chở D về, khi đến nhà D thì D mới kêu anh để chiếc xe lại và lấy chìa khóa xe không cho anh chạy xe về, khi đó anh có điện thoại cho C nói lại sự việc thì C kêu anh để xe lại và điện thoại kêu người rước anh về nhà. Anh không biết lý do gì mà D kêu anh để xe lại, đồng thời khi đó mẹ D cũng về tới

cũng kêu anh để xe lại chứ anh không rõ lý do gì. Anh biết sự việc như vậy, ngoài ra không còn biết gì thêm.

7/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty T chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Riêng xác định quan hệ pháp luật thì căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn đề nghị HĐXX xác định thêm loại kiện là chia tài sản chung.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX xác định thêm loại kiện là chia tài sản chung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh C. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt Công ty T nên HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T.

[1.2] Xác định thêm loại kiện: nguyên đơn anh Phan C cho rằng chiếc xe nhãn hiệu Y, biển số U do anh C đứng tên chủ sở hữu, một phần tiền mua xe và trả góp được sử dụng số tiền tích lũy chung của anh và chị Nguyễn D trong khoảng thời gian sống chung với nhau như vợ chồng. Anh yêu cầu chị D giao trả lại chiếc xe và anh đồng ý trả lại một nửa số tiền chung cho chị D. Nên HĐXX xác định bổ sung thêm loại kiện chia tài sản chung cho đúng quy định của pháp luật.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan C:* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan C và bị đơn chị Nguyễn D thống nhất chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Y, màu sơn Đỏ Đen, số loại M, số máy G, số khung K, biển số U, anh Phan C được cấp giấy chứng nhận sở hữu xe ngày 15/7/2019 hiện nay chị D đang quản lý, chị D cũng xác định xe là của anh C, nên anh C yêu cầu chị D giao trả lại chiếc xe, chị D cũng đồng ý giao trả xe với điều kiện anh C phải trả lại cho mẹ chị bà Nguyễn L số vàng đã mượn là 01 (một) cây vàng 24k nên đây

là tình tiết sự kiện rõ ràng, được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C đứng tên chủ sở hữu xe, chị D cũng cho rằng chị không biết chạy xe, xe chị giữ thì vẫn để đó chứ không có ai chạy. Quá trình mua xe trả góp chị cũng không biết rõ, việc trả góp tiền xe hàng tháng đều do anh C trả góp, chị không có biết sự việc này. Chị cũng đồng ý giao xe cho anh C khi anh C thực hiện nghĩa vụ trả vàng mượn lại cho mẹ chị. Anh C cho rằng số tiền mua xe trả trước 14.500.000đồng và số tiền góp trả 05 tháng khi anh C và chị D sống chung với nhau như vợ chồng là 13.470.000 đồng là tiền chung của anh C và chị D. Nên HĐXX xác định một phần chiếc xe là tài sản chung của anh C và chị D trong thời kỳ anh C và chị D sống chung với nhau như vợ chồng. Phần tiền trả góp còn lại sau khi anh C và chị D không sống chung với nhau như vợ chồng mà anh C tự góp trả tiền mua xe hàng tháng là của riêng anh C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền của chủ sở hữu “1. *Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*” và căn cứ vào khoản 1 Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên; trong trường hợp không có thỏa thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.*”. Cho nên việc anh C yêu cầu trả lại một nửa số tiền chung (27.970.000 đồng) của anh và chị D bỏ ra mua xe và yêu cầu chị D giao trả chiếc xe nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định được HĐXX chấp nhận.

[3] *Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn L:* Bà L cho rằng ngày 11/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 13/7/2019 dương lịch) tại nhà bà thì bà có cho anh C hỏi mượn số vàng 03 chiếc nhẫn và 01 sợi dây chuyền, tổng trọng lượng là 01 (một) cây vàng 24k, khi cho mượn thì bà không có làm giấy tờ nhưng có người chứng kiến là bà Nguyễn T, ông Nguyễn R, chị Nguyễn D. Nay bà yêu cầu anh C trả lại cho bà giá trị một cây vàng 24k là 48.000.000 đồng. Anh Phan C thì không thừa nhận có hỏi mượn của bà L số vàng theo như bà L yêu cầu. HĐXX nhận thấy, khi bà L cho anh C hỏi mượn một cây vàng 24k có sự chứng kiến của bà T là em nuôi của chồng bà, bà T được mẹ chồng bà nhận nuôi từ khi mới sinh ra; còn chị D là con ruột của bà, đang có mâu thuẫn với anh C nên lời trình bày của bà T và chị D chứng kiến sự việc bà L cho anh C mượn một cây vàng chưa được khách quan; còn ông Nguyễn E là người chứng kiến bà L cho anh C mượn số vàng gồm ba chiếc nhẫn và một sợi dây chuyền nhưng ông cũng không xác định được là bà L cho anh C mượn loại vàng gì, về trọng lượng vàng thì chỉ nghe bà L nói ba chiếc nhẫn là 05 chỉ, sợi dây chuyền là 05 chỉ. Ngoài ra, không còn tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bà L có cho anh C hỏi mượn số vàng 01 (một) cây vàng 24k. Ngoài lời nói của bà L ra thì bà không có gì để chứng minh bà có đưa cho anh C trọng lượng là 01 (một) cây vàng 24k. Căn cứ khoản 1 Điều 91 của BLTTDS quy định: “1. *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng*

minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp... ” Phía anh C cũng không thừa nhận có sự việc mượn một cây vàng 24k nên không có đủ cơ sở để xác định bà L có cho anh C hỏi mượn 01(một) cây vàng 24k. Từ những phân tích vừa nêu thì yêu cầu của bà L không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[4] Xét chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Y, màu sơn Đỏ Đen, số loại M, số máy G, số khung K, biển số U, anh được cấp giấy chứng nhận sở hữu xe ngày 15/7/2019 hiện nay vẫn đang thế chấp và trả góp cho Công ty T nhưng phía Công ty T không có ý kiến hay yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét. Khi nào phía Công ty T có yêu cầu được quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh C phải chịu án phí đối với giá trị tài sản chung được nhận, cụ thể $(27.970.000 \text{ đồng} - 14.500.000 \text{ đồng}) = 13.470.000 \text{ đồng} \times 5\% = 673.500 \text{ đồng}$ và bị đơn chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được chia tài sản chung là $14.500.000 \text{ đ} \times 5\% = 725.000$ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận $48.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 2.400.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 16 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng **khoản 6** Điều 26, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan C về việc yêu cầu chia tài sản chung và đòi lại tài sản.

Buộc chị Nguyễn D giao trả cho anh Phan C 01(một) chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Y, màu sơn Đỏ Đen, số loại M, số máy G, số khung K, biển số U, anh Phan C được cấp giấy chứng nhận sở hữu xe ngày 15/7/2019.

Buộc anh Phan C trả cho chị Nguyễn D số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi chị D yêu cầu thi hành án thì hàng tháng anh C còn phải trả lãi cho chị D theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn L về việc yêu cầu anh Phan C trả một cây vàng 24k (giá trị vàng yêu cầu là 48.000.000 đồng).

[3] Về án phí:

Anh Phan C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 673.500đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.180.000 đồng theo biên lai thu số 0003459 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, anh C được nhận lại số tiền còn thừa 506.500 đồng (Năm trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm đồng).

Chị Nguyễn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng

